

Số: 121/2015/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
ưu tiên phát triển của tỉnh thuộc đối tượng đầu tư trực tiếp, cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Báo cáo số 225/BC- UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Qua xem xét dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh thuộc đối tượng đầu tư trực tiếp, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh thuộc đối tượng đầu tư trực tiếp, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

| STT | Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội |
|------------|--|
| I | Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường. |
| 1 | Đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông: Đường vào khu tái định cư; vào khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao; bến bãi, cầu, phà, các công trình trọng điểm của tỉnh... |
| 2 | Đầu tư cải tạo và phát triển lưới điện phân phối. |
| 3 | Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường. |
| 4 | Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng. |
| II | Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ. |
| 1 | Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp. |
| 2 | Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất ô nhiễm ra khỏi nội thị và các khu dân cư theo quy hoạch; di chuyển sắp xếp lại cụm làng nghề. |
| III | Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn. |
| 1 | Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi. |
| 2 | Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. |
| 3 | Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo tồn sinh thái, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. |
| IV | Xã hội hóa hạ tầng xã hội. |
| 1 | Đầu tư xây dựng phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên...). |
| 2 | Đầu tư xây dựng, mở rộng: Bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chỉnh trang đô thị, hạ tầng khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hóa, thể dục thể thao, công viên. |

| | |
|---|--|
| 3 | Đầu tư xây dựng, cải tạo: Khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương. |
| 4 | Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang. |
| V | Đối với lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác của tỉnh, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được sự thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. |

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

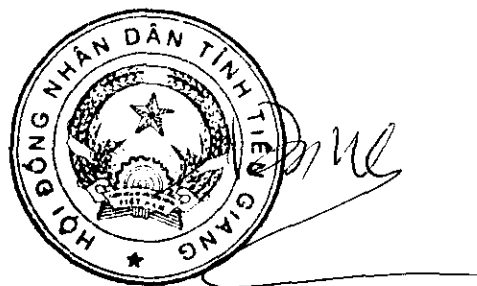
Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa VIII, kỳ họp thứ 14 thông qua và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Vụ IV(VPCP);
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB.MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB.Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB.HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT.HĐND,UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh